

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 2572/2001/QĐ-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Ngày 17 tháng 1 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Về việc ban hành Quy định quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng với Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Hải quân; giữa Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố, Hải đoàn biên phòng với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố, Bộ chỉ huy vùng Hải quân trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

- Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;
- Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 05 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Quốc phòng;
- Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng; Nghị định số 02/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Xét đề nghị của Tổng tham mưu trưởng,

QUYẾT ĐỊNH

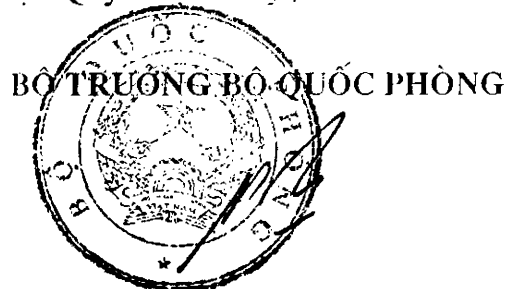
Điều 1. Ban hành Quy định quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng với Bộ tư lệnh Quân khu, Bộ tư lệnh Hải quân; giữa Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố, Hải đoàn Biên phòng với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố, Bộ chỉ huy vùng Hải quân trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký; các quy định trước đây trái với các qui định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Đồng chí Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm các Tổng cục, Tư lệnh các Quân khu, Tư lệnh Hải quân, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Các dlc Thủ trưởng BQP,
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ,
- Cục Tác chiến, Cục Quân lực,
- C20 (PC, NC), C50
- Lưu



Thượng tướng Phạm Văn Trà

QUY ĐỊNH

Quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng với Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Hải quân; giữa Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố, Hải đoàn biên phòng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố, Bộ Chỉ huy vùng Hải quân trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2512../2001/QĐ - BQP ngày 17..tháng 10..năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG.

Điều 1. Quy định quan hệ.

1. Quy định này xác định mối quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng với Bộ Tư lệnh các Quân khu, Bộ Tư lệnh Hải quân và giữa Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố, Hải đoàn biên phòng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố, Bộ Chỉ huy vùng Hải quân trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến chống xung đột vũ trang trên biên giới, vùng biển và chiến tranh xâm lược.

2. Quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng với Bộ Tư lệnh các Quân khu, Bộ Tư lệnh Hải quân là quan hệ phối hợp, hiệp đồng trong chỉ huy, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến theo chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng.

3. Quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Quân khu với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và Hải đoàn biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến là quan hệ giữa chỉ huy và phục tùng.

4. Quan hệ giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến là quan hệ giữa chỉ huy và phục tùng; giữa Bộ Chỉ huy vùng Hải quân với Hải đoàn biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến là quan hệ phối hợp, hiệp đồng.

5. Quan hệ giữa Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị với Đồn biên phòng (trừ Đồn biên phòng trên các đảo do Bộ trưởng giao cho Hải quân đảm nhiệm phòng thủ tác chiến) trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến là quan hệ giữa chỉ huy và phục tùng.

Chương II NỘI DUNG QUAN HỆ

Điều 2. Quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng với Bộ Tư lệnh Quân khu.

1. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

a. Thống nhất với Bộ Tư lệnh Quân khu về bố trí lực lượng Bộ đội biên phòng đứng chân trong địa bàn Quân khu gắn nhiệm vụ quản lý bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới với nhiệm vụ phòng thủ tác chiến.

b. Thông báo với Bộ Tư lệnh Quân khu tình hình trên các tuyến biên giới, vùng biển, các chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng về nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới. Thông báo kịp thời những vụ việc xảy ra trên biên giới, vùng biển có liên quan đến các đơn vị quân đội trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến và lĩnh vực quốc phòng thuộc Quân khu quản lý để phối hợp giải quyết trước khi báo cáo Bộ Quốc phòng.

c. Phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ đạo Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch sử dụng lực lượng Bộ đội biên phòng trong thực hiện quyết tâm tác chiến, kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, tham gia diễn tập tác chiến theo kế hoạch của Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố.

d. Khi có xung đột vũ trang trên biên giới Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu thống nhất chỉ đạo, sử dụng lực lượng Bộ đội biên phòng trên địa bàn thực hiện thực hiện quyết tâm tác chiến, kế hoạch sử dụng lực lượng, đảm bảo cho Bộ đội biên phòng hoàn thành nhiệm vụ phòng thủ tác chiến gắn với nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

đ. Khi chiến tranh xảy ra, phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ đạo Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới trong thời chiến.

2. Bộ Tư lệnh Quân khu.

a. Thống nhất với Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng về bố trí lực lượng Bộ đội biên phòng trên biên giới, vùng biển gắn nhiệm vụ phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu với nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới.

b. Thông báo với Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng kế hoạch công tác quân sự liên quan đến tình hình hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới.

c. Thông báo với Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng về kế hoạch diễn tập quân sự để nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố. Phối hợp tổ chức kiểm tra các đơn vị Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trên địa bàn Quân khu thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến.

d. Bộ Tư lệnh Quân khu có trách nhiệm giúp đỡ Bộ đội biên phòng huấn luyện một số nội dung về quân sự, sửa chữa vũ khí, xử lý đạn cấp 5 theo đề nghị của Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng.

đ. Chỉ huy, chỉ đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố và các đơn vị đóng quân ở biên giới, vùng biển phối hợp chặt chẽ với Bộ đội biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới; sẵn sàng chi viện cho Bộ đội biên phòng về lực lượng, phương tiện, trang bị để đối phó kịp thời các tình huống xung đột vũ trang trên biên giới, vùng biển và khi có chiến tranh xâm lược.

Điều 3. Quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Quân khu với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và Hải đoàn biên phòng.

1. Bộ Tư lệnh Quân khu.

a. Chỉ huy, chỉ đạo Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và Hải đoàn biên phòng trong địa bàn Quân khu xây dựng và phê duyệt các kế hoạch phòng thủ tác chiến, sử dụng lực lượng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và Hải đoàn biên phòng thực hiện quyết tâm tác chiến; tham gia diễn tập hiệp đồng tác chiến, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu khi có xung đột vũ trang trên biên giới, vùng biển và chiến tranh xâm lược.

b. Thống nhất với Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng chỉ đạo Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng các tỉnh, thành phố lập kế hoạch xây dựng công trình chiến đấu phòng thủ tác chiến cho các Đồn biên phòng.

c. Khi có xung đột vũ trang trên biên giới, vùng biển, chỉ huy, chỉ đạo các lực lượng vũ trang thuộc Quân khu chi viện cho Bộ đội biên phòng theo quyết tâm tác chiến của Quân khu. Khi có chiến tranh xâm lược, trực tiếp chỉ huy Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và Hải đoàn biên phòng chiến đấu theo quyết tâm tác chiến của Quân khu, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Tổng Tham mưu trưởng.

d. Triệu tập Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố dự các hội nghị quán triệt Nghị quyết của Đảng uỷ Quân sự Trung ương về nội dung có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến; chỉ thị, mệnh lệnh công tác của Bộ Quốc phòng, Nghị quyết của Đảng uỷ Quân khu; sơ kết, tổng kết về công tác quốc phòng do Quân khu tổ chức.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và Hải đoàn biên phòng.

a. Chịu sự chỉ huy, chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc của Bộ Tư lệnh Quân khu về thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến, tham gia diễn tập các phương án tác chiến phòng thủ và chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

b. Xây dựng các quyết tâm tác chiến và báo cáo xin ý kiến Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng trước khi trình Bộ Tư lệnh Quân khu phê duyệt; căn cứ quyết tâm đã phê duyệt chủ động phối hợp với các lực lượng để tổ chức thực hiện.

c. Định kỳ và đột xuất báo cáo Bộ Tư lệnh Quân khu tình hình hoạt động của địch, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, vùng biển đảo và tổ chức biên chế, trang bị, kết quả huấn luyện, diễn tập quân sự theo quy định của Bộ Tổng tham mưu.

Điều 4. Quan hệ giữa Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố; giữa Đoàn biên phòng với Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị.

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố.

a. Chỉ huy, chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền xây dựng quyết tâm tác chiến theo quy định của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố. Tổ chức và tham gia diễn tập các phương án tác chiến trong kế hoạch phòng thủ theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố.

b. Thông báo với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố về kế hoạch công tác biên phòng của Tư lệnh Bộ đội biên phòng; tình hình quản lý và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, vùng biển; tổ chức biên chế, trang bị và bố trí lực lượng của Bộ đội biên phòng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

c. Chỉ huy các đơn vị thuộc quyền tham gia xây dựng, huấn luyện và sử dụng lực lượng dân quân, tự vệ ở các xã, phường, thị trấn, các tàu thuyền đánh cá trên biển, các xí nghiệp, cơ quan ở khu vực biên giới.

d. Khi có xung đột vũ trang trên biên giới phải kịp thời chỉ huy các đơn vị triển khai chiến đấu; đồng thời báo cáo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố để chỉ huy và chấp hành mệnh lệnh tác chiến theo kế hoạch.

2. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố.

a. Căn cứ vào chỉ thị mệnh lệnh của Tư lệnh Quân khu chỉ huy, chỉ đạo Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến, tham gia xây dựng và sử dụng lực lượng dân quân, tự vệ ở khu vực biên giới.

b. Chỉ huy, chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền đứng chân trong khu vực biên giới và lực lượng dân quân, tự vệ các xã, phường, thị trấn biên giới, vùng biển chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (Quy chế khu vực biên giới, các Hiệp ước, Hiệp định về biên giới, vùng biển giữa Việt nam với các nước); phối hợp với Bộ đội biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự ở khu vực biên giới. Trong quá trình hoạt động nếu phát hiện hoặc bắt giữ đối tượng xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, xâm phạm an ninh quốc gia thì bàn giao cho đơn vị Bộ đội biên phòng gần nhất để xử lý theo pháp luật.

c. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố có trách nhiệm giúp đỡ Bộ đội biên phòng huấn luyện một số nội dung về quân sự, sửa chữa vũ khí, xử lý đạn cấp 5 theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố.

d. Căn cứ vào chỉ lệnh công tác biên phòng của Tổng Tham mưu trưởng, kế hoạch của Quân khu tổ chức kiểm tra các đơn vị Bộ đội biên phòng thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến.

3. Đồn biên phòng.

a. Thông báo với Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị tình hình có liên quan đến nhiệm vụ phòng thủ tác chiến ở khu vực biên giới; các kế hoạch của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố về công tác phòng thủ tác chiến.

b. Căn cứ vào quyết tâm tác chiến phòng thủ của Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị và nhiệm vụ được giao để xây dựng quyết tâm kế hoạch tác chiến phòng thủ của đơn vị xin ý kiến Bộ Chỉ huy biên phòng tỉnh, thành phố trước khi báo cáo Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị phê duyệt.

c. Tham gia xây dựng, huấn luyện và sử dụng lực lượng dân quân, tự vệ ở khu vực biên giới theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu và hướng dẫn của Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

d. Khi có xung đột vũ trang trên biên giới và chiến tranh xâm lược, chịu sự chỉ huy của Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị theo quyết tâm tác chiến phòng thủ đã phê duyệt.

4. Ban chỉ huy Quân sự huyện, thị.

a. Thông báo với Đồn biên phòng tình hình có liên quan đến nhiệm vụ phòng thủ tác chiến ở địa bàn và làm tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương thống nhất giải quyết.

b. Hướng dẫn Đồn biên phòng xây dựng quyết tâm kế hoạch tác chiến phòng thủ theo quy định.

c. Chủ trì phối hợp với Đồn biên phòng hướng dẫn, huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ và chỉ đạo lực lượng dân quân, tự vệ tham gia với Đồn biên phòng tuần tra bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu.

d. Khi có xung đột vũ trang trên biên giới và chiến tranh xâm lược, trực tiếp chỉ huy Đồn Biên phòng theo quyết tâm tác chiến phòng thủ.

Điều 5. Quan hệ giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng với Bộ Tư lệnh Hải quân.

1. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

a. Thống nhất với Bộ Tư lệnh Hải quân tham mưu cho Bộ Quốc phòng về bố trí Đồn biên phòng trên các đảo do Bộ trưởng giao cho Hải quân đảm nhiệm phòng thủ tác chiến để gắn nhiệm vụ quản lý bảo vệ chủ quyền an ninh trên biển đảo với nhiệm vụ phòng thủ tác chiến.

b. Thông báo với Bộ Tư lệnh Hải quân những nội dung có liên quan đến chủ quyền, an ninh vùng biển đảo; chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ

đội biên phòng về nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh trên biển đảo; tình hình an ninh, trật tự trên các vùng biển quốc gia. Phối hợp với Bộ Tư lệnh Hải quân để chỉ đạo, giải quyết những vụ việc xảy ra trên vùng biển liên quan đến hoạt động của Hải quân.

c. Thống nhất với Bộ Tư lệnh Hải quân chỉ đạo Đồn biên phòng trên các đảo do Bộ trưởng giao cho Hải quân đảm nhiệm phòng thủ tác chiến để xây dựng quyết tâm kế hoạch tác chiến, tham gia diễn tập các phương án tác chiến theo kế hoạch.

d. Khi có xung đột vũ trang trên biển và chiến tranh xâm lược, phối hợp với Bộ Tư lệnh Hải quân chỉ đạo Đồn biên phòng trên các đảo do Bộ trưởng giao cho Hải quân đảm nhiệm phòng thủ tác chiến để thực hiện quyết tâm tác chiến đã phê duyệt, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng và Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

2. Bộ Tư lệnh Hải quân

a. Thông báo với Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng những nội dung liên quan đến nhiệm vụ phòng thủ tác chiến và tình hình hoạt động xâm phạm chủ quyền quốc gia có liên quan để gắn công tác phòng thủ tác chiến với nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh trên biển đảo.

b. Thống nhất với Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng chỉ đạo Đồn biên phòng trên các đảo do Bộ trưởng giao cho Hải quân đảm nhiệm phòng thủ tác chiến để xây dựng quyết tâm kế hoạch tác chiến phòng thủ, tham gia diễn tập các phương án tác chiến.

c. Thông báo với Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng những nội dung có liên quan đến kế hoạch diễn tập sẵn sàng chiến đấu và tác chiến phòng thủ theo kế hoạch của Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu.

d. Hiệp đồng xử lý các vụ việc xảy ra trên biển; đảm bảo cấp cứu, cứu hộ và trao đổi thông tin nghiên cứu khoa học về bảo vệ vùng biển.

đ. Bộ Tư lệnh Hải quân có trách nhiệm giúp đỡ Bộ đội biên phòng huấn luyện một số nội dung quân sự, sửa chữa vũ khí, xử lý đạn cấp 5 theo đề nghị của Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

e. Khi có xung đột vũ trang, chiến tranh xâm lược; Bộ Tư lệnh Hải quân chỉ huy các vùng Hải quân chỉ huy Đồn biên phòng trên các đảo do Bộ trưởng giao cho Hải quân đảm nhiệm phòng thủ tác chiến và phối hợp, hiệp đồng với Hải đoàn biên phòng (nếu có) thực hiện quyết tâm kế hoạch tác chiến phòng thủ đã phê duyệt, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng.

Điều 6. Quan hệ giữa Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố có bờ biển và Hải đoàn biên phòng với Bộ Chỉ huy vùng Hải quân.

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố có bờ biển.

a. Thông báo với Bộ Chỉ huy vùng Hải quân tình hình hoạt động của địch, các loại đối tượng, tình hình an ninh, trật tự xã hội ở khu vực biên giới, vùng biển đảo và kế hoạch hoạt động của các Hải đội biên phòng (nếu có).

b. Phối hợp, hiệp đồng với Bộ Chỉ huy vùng Hải quân để thống nhất chỉ đạo giải quyết những vụ việc xảy ra trên vùng biển có liên quan đến lực lượng Hải quân.

2. Hải đoàn biên phòng.

a. Thông báo với Bộ Chỉ huy vùng Hải quân tình hình có liên quan thuộc địa bàn và kế hoạch từng đợt hoạt động trên biển.

b. Phối hợp, hiệp đồng với Bộ Chỉ huy vùng Hải quân trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ tác chiến.

3. Bộ Chỉ huy vùng Hải quân.

a. Thông báo với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố có bờ biển, Hải đoàn biên phòng những nội dung liên quan đến nhiệm vụ phòng thủ tác chiến, tình hình hoạt động xâm phạm chủ quyền, an ninh vùng biển có liên quan để gắn công tác phòng thủ tác chiến với nhiệm vụ quản lý bảo vệ chủ quyền, an ninh trên biển.

b. Phối hợp, hiệp đồng với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và Hải đoàn biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ tác chiến phòng thủ trên biển.

c. Bộ Chỉ huy vùng Hải quân có trách nhiệm giúp đỡ Bộ đội biên phòng huấn luyện một số nội dung về quân sự, sửa chữa vũ khí, xử lý đạn cấp 5 theo đề nghị của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố.

d. Khi có xung đột vũ trang trên biển và chiến tranh xâm lược, trực tiếp chỉ huy Đồn biên phòng trên các đảo do Bộ trưởng giao cho Hải quân đảm nhiệm phòng thủ tác chiến theo quyết tâm tác chiến phòng thủ đã phê duyệt.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7.

1- Bộ Tổng Tham mưu quy định cụ thể chế độ, nội dung báo cáo của từng cấp trong Quy định này.

2- Tư lệnh các Quân khu, Tư lệnh Hải quân và Tư lệnh Bộ đội biên phòng chỉ huy, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc quyền tổ chức thực hiện.



Thượng tướng
PHẠM VĂN TRÀ